VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15/2022/TT-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2022*

THÔNG TƯ
Quy định việc giảng dạy khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư Quy định việc giảng dạy khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông và việc giảng dạy khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông trong cơ sở

giáo dục nghề nghiệp, bao gồm: môn học và khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo ngành, nghề đào tạo; tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và cấp giấy chứng nhận; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Quy định này áp dụng đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các cơ sở giáo dục khác được phép đào tạo trình độ trung cấp (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục nghề nghiệp) và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông* là những nội dung cơ bản của một số môn học cấp trung học phổ thông trong chương trình giáo dục phổ thông phù hợp với ngành, nghề đào tạo trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

2. *Khối lượng kiến thức của môn học* quy định trong Thông tư này là những nội dung cơ bản được lựa chọn trong chương trình môn học cấp trung học phổ thông trong chương trình giáo dục phổ thông, bảo đảm tính khoa học, sư phạm, phù hợp với ngành, nghề đào tạo trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Điều 3. Mục tiêu giảng dạy khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông

1. Khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông được giảng dạy cho học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học trình độ trung cấp, học sinh tốt nghiệp trình độ trung cấp trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nhằm giúp học sinh phát triển tốt nhất năng lực nghề nghiệp và những phẩm chất, năng lực cần thiết đối với người lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

2. Sau khi học sinh đã học và thi đạt yêu cầu thì được cấp giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông để theo học trình độ cao hơn của giáo dục nghề nghiệp và sử dụng trong các trường hợp cụ thể theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Yêu cầu và điều kiện tổ chức giảng dạy

1. Việc tổ chức giảng dạy khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải bảo đảm thực hiện đầy đủ yêu cầu về khối lượng kiến thức của môn học, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá và thi kết thúc môn học.

2. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải có đủ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phù hợp với khối lượng kiến thức của các môn học để tổ chức giảng dạy các môn học theo ngành, nghề đào tạo.

Chương II
KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VĂN HÓA TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÀ ĐIỀU KIỆN TỔ CHỨC GIẢNG DẠY

Điều 5. Môn học và khối lượng kiến thức của môn học

1. Môn học

a) Các môn học bắt buộc: Toán, Ngữ văn, Lịch sử.

b) Các môn học lựa chọn: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Địa lí.

2. Khối lượng kiến thức của môn học

a) Thời lượng giảng dạy của các môn học như sau:

- Toán, Ngữ văn: 252 tiết/môn học.

- Vật lí, Hóa học, Sinh học, Địa lí, Lịch sử: 168 tiết/môn học.

b) Khối lượng kiến thức của môn học tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Môn học theo ngành, nghề đào tạo

1. Mỗi ngành, nghề đào tạo phải học các môn học bắt buộc và ít nhất 01 môn học lựa chọn quy định tại Điều 5 Thông tư này.

2. Người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp quyết định lựa chọn các môn học bảo đảm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

Điều 7. Đội ngũ giáo viên

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải có đủ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổ chức giảng dạy các môn học, phù hợp với khối lượng kiến thức của các môn học được tổ chức giảng dạy.

Điều 8. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học phù hợp với khối lượng kiến thức của các môn học được tổ chức giảng dạy.

Chương III
TỔ CHỨC GIẢNG DẠY, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

Điều 9. Tổ chức giảng dạy

1. Việc giảng dạy các môn học được tổ chức theo lớp học đối với từng môn học, mỗi lớp học có không quá 45 người học.

2. Mỗi môn học được giảng dạy trong 03 (ba) kỳ. Người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp quyết định việc phân chia các kỳ và xây dựng kế hoạch giảng dạy bảo đảm thực hiện đầy đủ khối lượng kiến thức, yêu cầu cần đạt và thời lượng giảng dạy của môn học.

3. Hoạt động giảng dạy thông qua một số hình thức chủ yếu: học lý thuyết, làm bài tập, thực hành, thí nghiệm, dự án học tập, trải nghiệm, sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, hoạt động phục vụ cộng đồng.

4. Thực hiện các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát huy tính chủ động, tích cực của học sinh; chú trọng rèn luyện cho người học phương pháp tự học, tự nghiên cứu theo yêu cầu dạy học phát triển phẩm chất, năng lực.

Điều 10. Kiểm tra, đánh giá

1. Hình thức đánh giá

Kết quả học tập theo môn học được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10. Điểm đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

2. Đánh giá thường xuyên

a) Đánh giá thường xuyên được thực hiện thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập.

b) Đối với một môn học, số điểm đánh giá thường xuyên (viết tắt là $ĐĐG_{tx}$) trong mỗi kỳ như sau:

- Môn học có thời lượng giảng dạy từ 168 tiết: 01 $ĐĐG_{tx}$.

- Môn học có thời lượng giảng dạy 252 tiết: 02 $ĐĐG_{tx}$.

3. Đánh giá định kỳ

a) Đánh giá định kỳ được thực hiện thông qua bài kiểm tra đánh giá bằng điểm số.

- Thời gian làm bài kiểm tra đối với môn học 168 tiết từ 45 phút đến 60 phút; đối với môn học 252 tiết từ 60 phút đến 90 phút.

- Đề kiểm tra bảo đảm độ tin cậy, có đáp án, tiêu chí chấm, thang điểm chi tiết, đáp ứng yêu cầu cần đạt của nội dung kiểm tra, đánh giá.

b) Trong mỗi kỳ, mỗi môn học có 01 (một) điểm đánh giá định kỳ (viết tắt là $ĐĐG_{đk}$).

4. Học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá đủ số lần theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này nếu có lý do bất khả kháng thì được kiểm tra, đánh giá bù với yêu cầu cần đạt tương đương với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu. Việc kiểm tra, đánh giá bù được thực hiện theo từng kỳ.

5. Trường hợp học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá bù theo quy định tại khoản 4 Điều này thì nhận 0 (không) điểm đối với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

6. Điểm trung bình môn học

Điểm trung bình môn học (viết tắt là $ĐTB_{mh}$) là trung bình cộng được làm tròn đến 01 (một) chữ số thập phân của điểm đánh giá thường xuyên và điểm đánh giá định kỳ được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, như sau:

$$ĐTB_{mh} = \frac{TĐĐG_{tx} + 2 \text{ x } TĐĐG_{đk}}{Số\ ĐĐG_{tx} + 6}$$

$TĐĐG_{tx}$: tổng điểm đánh giá thường xuyên

$TĐĐG_{đk}$: tổng điểm đánh giá định kỳ

7. Điểm đánh giá của mỗi môn học được ghi trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh theo lớp học quy định tại Điều 13 Thông tư này.

8. Trường hợp học sinh có $ĐTB_{mh}$ của môn học nào không đạt từ 5,0 điểm thì được kiểm tra, đánh giá lại môn học đó. Kết quả đánh giá lại của môn học nào được sử dụng thay thế cho $ĐTB_{mh}$ của môn học đó.

9. Trường hợp học sinh không đủ điều kiện dự thi kết thúc môn học theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này phải học lại môn học đó. Việc tổ chức cho học sinh học lại môn học do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định.

Điều 11. Thi kết thúc môn học

1. Học sinh có $ĐTB_{mh}$ đạt từ 5,0 điểm trở lên và nghỉ học không quá 20% thời lượng giảng dạy của môn học thì được dự thi kết thúc môn học đó.

2. Hình thức thi kết thúc môn học:

- Bài thi trên giấy hoặc trên máy tính theo hình thức trắc nghiệm khách quan hoặc tự luận hoặc kết hợp giữa trắc nghiệm khách quan và tự luận.

- Thời gian làm bài thi từ 60 phút đến 120 phút.

3. Đề thi bảo đảm độ tin cậy, có đáp án, tiêu chí chấm, thang điểm chi tiết, đáp ứng yêu cầu cần đạt của môn học theo quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.

4. Quy trình làm đề thi, tổ chức thi, làm phách, chấm thi do cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng và tổ chức thực hiện, bảo đảm tính khoa học, khách quan, minh bạch, đánh giá đúng kết quả học tập của người học.

5. Mỗi năm tổ chức 01 (một) lần thi chính thức và 01 (một) lần thi lại; thời điểm tổ chức thi lại do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định và phải bảo đảm cách lần thi chính thức ít nhất 21 ngày.

6. Học sinh chưa dự thi kết thúc môn học vì lý do bất khả kháng hoặc dự thi kết thúc môn học nhưng không đạt 05 (năm) điểm trở lên thì được thi lại môn học đó.

7. Điểm thi kết thúc môn học được ghi trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh theo lớp học quy định tại Điều 13 Thông tư này.

Điều 12. Cấp Giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông

1. Học sinh có điểm thi kết thúc môn học của tất cả các môn học theo ngành, nghề đào tạo đạt từ 05 (năm) điểm trở lên được cấp Giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo ngành, nghề đó.

2. Giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông do người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức giảng dạy cấp. Mẫu Giấy chứng nhận quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.

Điều 13. Hồ sơ quản lý hoạt động giảng dạy

1. Hồ sơ quản lý hoạt động giảng dạy khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông của cơ sở giáo dục nghề nghiệp gồm:

a) Kế hoạch giảng dạy của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

b) Sổ theo dõi và đánh giá người học theo lớp học (theo mẫu tại Phụ lục III của Thông tư này);

c) Sổ ghi đầu bài;

d) Sổ quản lý cấp phát Giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông.

2. Hồ sơ giảng dạy khối lượng kiến thức văn hóa của giáo viên gồm:

a) Kế hoạch giảng dạy của giáo viên;

b) Kế hoạch bài dạy (giáo án);

c) Sổ theo dõi và đánh giá học sinh của giáo viên (theo mẫu tại Phụ lục IV của Thông tư này).

3. Hồ sơ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này dạng hồ sơ điện tử được sử dụng thay cho các loại hồ sơ giấy theo lộ trình phù hợp với điều kiện của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, khả năng thực hiện của giáo viên và bảo đảm tính hợp pháp của các loại hồ sơ điện tử.

4. Việc bảo quản hồ sơ quản lý hoạt động giảng dạy được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan hướng dẫn cơ sở giáo dục nghề nghiệp thực hiện việc giảng dạy khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định tại Thông tư này.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong công tác thanh tra, kiểm tra việc tổ chức giảng dạy khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của các Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá, thi kết thúc môn học và cấp Giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định tại Thông tư này.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và cơ quan có liên quan thanh tra, kiểm tra việc giảng dạy khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1. Người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng kế hoạch giảng dạy các môn học theo 03 (ba) kỳ; quyết định thời điểm tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá định kỳ cho mỗi kỳ và thời điểm thi kết thúc môn học phù hợp với điều kiện của cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cấp Giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông cho người học.

2. Tổ chức thực hiện kế hoạch giảng dạy và quản lý việc giảng dạy, kiểm tra, đánh giá, thi kết thúc môn học và cấp Giấy chứng nhận đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Thông tư này.

3. Tổ chức Hội đồng thi kết thúc môn học (thi chính thức và thi lại) bảo đảm việc ra đề thi, tổ chức thi, chấm thi theo quy định tại Thông tư này.

4. Hằng năm, thực hiện chế độ báo cáo theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo về tình hình triển khai, tổ chức giảng dạy khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2022.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; thủ trưởng các cơ quan có liên quan; người đứng đầu cơ sở giáo dục nghề nghiệp có giảng dạy khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông; tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Độ

Phụ lục I

KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC

MÔN ĐỊA LÍ

(Kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Khối lượng kiến thức của môn học với thời lượng giảng dạy là 168 tiết. Nội dung và yêu cầu cần đạt cụ thể như sau:

STT *(1)*	**Nội dung** *(2)*		**Yêu cầu cần đạt** *(3)*
1	**Sử dụng bản đồ - Trái Đất**	Sử dụng bản đồ	- Phân biệt được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ. - Sử dụng được bản đồ trong học tập địa lí và đời sống. - Xác định và sử dụng được một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống.
		Trái Đất	- Trình bày được nguồn gốc hình thành Trái Đất. - Đặc điểm của vỏ Trái Đất, các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất. - Trình bày được khái quát thuyết kiến tạo mảng; vận dụng để giải thích được nguyên nhân hình thành các vùng núi trẻ, các vành đai động đất, núi lửa.

STT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
			- Phân tích được hệ quả địa lí của các chuyển động chính của Trái Đất: Chuyển động tự quay (sự luân phiên ngày đêm, giờ trên Trái Đất); chuyển động quanh Mặt Trời (các mùa trong năm, ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ). - Liên hệ được thực tế địa phương về các mùa trong năm và chênh lệch thời gian ngày đêm. - Sử dụng hình vẽ, lược đồ để phân tích được các hệ quả chuyển động của Trái Đất.
2	**Địa lí tự nhiên đại cương**	Thạch quyển	- Trình bày được khái niệm thạch quyển; - Phân biệt được thạch quyển với vỏ Trái Đất. - Trình bày khái niệm nội lực, ngoại lực; nguyên nhân của chúng; tác động đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất. - Phân tích được sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh về tác động của nội lực, ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất. - Nhận xét và giải thích được sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên bản đồ.

STT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
		Khí quyển	- Nêu được khái niệm khí quyển. - Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí; lục địa, đại dương; địa hình. - Trình bày được các đai khí áp trên Trái Đất. - Trình bày được một số loại gió chính trên Trái Đất - Trình bày được sự phân bố mưa trên thế giới. - Đọc được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất; phân tích được biểu đồ một số kiểu khí hậu. - Giải thích được một số hiện tượng thời tiết và khí hậu trong thực tế.
		Sinh quyển và Thổ nhưỡng	- Trình bày được khái niệm về đất; phân biệt được lớp vỏ phong hóa và đất. - Trình bày được khái niệm sinh quyển. - Phân tích được sơ đồ, hình vẽ, bản đồ phân bố các nhóm đất và sinh vật trên thế giới.

STT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
3	**Địa lí kinh tế - xã hội đại cương**	Địa lí dân cư	- Trình bày được đặc điểm và tình hình phát triển dân số trên thế giới. - Phân biệt được gia tăng dân số tự nhiên (tỷ suất sinh, tỷ suất tử) và cơ học (xuất cư, nhập cư). - Trình bày được khái niệm về gia tăng dân số thực tế; - Phân tích được các nhân tố tác động đến gia tăng dân số. - Trình bày được các loại cơ cấu dân số: cơ cấu sinh học (tuổi và giới), cơ cấu xã hội (lao động, trình độ văn hóa). - Phân tích được tác động của các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội đến phân bố dân cư. - Trình bày được khái niệm, phân tích được các nhân tố tác động đến đô thị hóa và ảnh hưởng của đô thị hóa đến sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường. - Vẽ được biểu đồ về dân số (quy mô, động thái, cơ cấu). - Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số; xử lý số liệu. - Nhận xét được sự phân bố dân cư thông qua bản đồ, tài liệu, số liệu,... - Giải thích được một số hiện tượng về dân số trong thực tiễn.

STT	Nội dung		Yêu cầu cần đạt
(1)	*(2)*		*(3)*
		Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế	- Trình bày được khái niệm cơ cấu kinh tế; phân biệt được các loại cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ. - So sánh được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế: tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng thu nhập quốc gia (GNI), GDP và GNI bình quân đầu người. - Liên hệ được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế ở địa phương. - Phân tích được sơ đồ nguồn lực và cơ cấu nền kinh tế. - Vẽ được biểu đồ cơ cấu nền kinh tế và nhận xét, giải thích.
		Địa lí các ngành kinh tế *Địa lí nông nghiệp*	- Trình bày được vai trò, đặc điểm của nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; những định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai. - Trình bày được vai trò, đặc điểm của các ngành trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

STT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
			- Trình bày và giải thích được sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới. - Trình bày được quan niệm, vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp; phân biệt được vai trò, đặc điểm một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp. - Nêu được một số vấn đề phát triển nền nông nghiệp hiện đại trên thế giới. - Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải thích thực tế sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản ở địa phương. - Đọc được bản đồ; xử lý, phân tích được số liệu thống kê và vẽ được biểu đồ về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.
		Địa lí công nghiệp	- Trình bày được vai trò, đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp. - Trình bày được vai trò, đặc điểm và giải thích được sự phân bố của một trong các ngành: Khai thác than, dầu khí, quặng kim loại; điện lực; điện tử, tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm.

STT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
			- Phân tích được tác động của công nghiệp đối với môi trường. - Trình bày được quan niệm, vai trò của tổ chức lãnh thổ công nghiệp; phân biệt được vai trò và đặc điểm của các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp. - Thu thập tài liệu, trình bày và báo cáo được một vấn đề về công nghiệp. - Đọc được bản đồ công nghiệp; vẽ và phân tích được biểu đồ về công nghiệp.
		Địa lí dịch vụ	- Trình bày được cơ cấu, vai trò, đặc điểm của dịch vụ; - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố dịch vụ. - Trình bày được vai trò và đặc điểm của ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch, tài chính ngân hàng. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch, tài chính ngân hàng;

STT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
			- Trình bày được tình hình phát triển và phân bố các ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch, tài chính ngân hàng trên thế giới. - Vẽ được biểu đồ, sơ đồ; đọc và phân tích được bản đồ, số liệu thống kê ngành dịch vụ. - Viết được báo cáo tìm hiểu về một ngành dịch vụ
		Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh	- Phân biệt được khái niệm, đặc điểm của môi trường và tài nguyên thiên nhiên. - Phân tích được vai trò của môi trường, tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển của xã hội loài người. - Trình bày được khái niệm và sự cần thiết phải phát triển bền vững. - Trình bày được khái niệm và biểu hiện của tăng trưởng xanh. - Liên hệ được một số vấn đề về tăng trưởng xanh tại địa phương
4	**Một số vấn đề về kinh tế - xã hội thế giới**	Sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước	- Phân biệt được các nước trên thế giới theo trình độ phát triển kinh tế: nước phát triển và nước đang phát triển với các chỉ tiêu về thu nhập bình quân (tính theo GNI/người); cơ cấu kinh tế và chỉ số phát triển con người.

STT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
			- Trình bày được sự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước. - Sử dụng được bản đồ để xác định sự phân bố các nhóm nước, phân tích được bảng số liệu về kinh tế - xã hội của các nhóm nước. - Thu thập được tư liệu về kinh tế - xã hội của một số nước từ các nguồn khác nhau.
		Toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế và an ninh toàn cầu	- Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế, phân tích ảnh hưởng của toàn cầu hóa kinh tế đối với các nước trên thế giới. - Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của khu vực hóa kinh tế; phân tích được ý nghĩa của khu vực hóa kinh tế đối với các nước trên thế giới. - Trình bày được một số tổ chức khu vực và quốc tế: Liên hợp quốc (UN), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC). - Sưu tầm và hệ thống hóa được các tư liệu, số liệu về toàn cầu hóa, khu vực hóa.

STT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
			- Nêu được một số vấn đề an ninh toàn cầu hiện nay và khẳng định được sự cần thiết phải bảo vệ hòa bình.
		Nền kinh tế tri thức	- Thu thập tư liệu, viết được báo cáo tìm hiểu về đặc điểm và các biểu hiện của nền kinh tế tri thức.
5	**Địa lí tự nhiên Việt Nam**	Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ.	- Xác định được đặc điểm vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Việt Nam trên bản đồ. - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.
		Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa và ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống	- Trình bày được các biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa thông qua khí hậu và các thành phần tự nhiên khác. - Phân tích được ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất và đời sống. - Sử dụng được bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê để trình bày đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

STT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
		Sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên	- Chứng minh được sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên Việt Nam theo Bắc - Nam, Đông - Tây, độ cao. - Trình bày được đặc điểm tự nhiên của ba miền: Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, Tây Bắc và Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ và Nam Bộ. - Sử dụng được bản đồ tự nhiên Việt Nam, số liệu thống kê để chứng minh sự phân hóa đa dạng của thiên nhiên nước ta. - Thu thập tài liệu, trình bày được báo cáo về sự phân hóa tự nhiên Việt Nam.
		Vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường	- Trình bày và giải thích được sự suy giảm các loại tài nguyên thiên nhiên ở nước ta. - Nêu được một số giải pháp sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên ở nước ta. - Chứng minh và giải thích được hiện trạng ô nhiễm môi trường ở Việt Nam. - Nêu được các giải pháp bảo vệ môi trường.

STT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
			- Viết được đoạn văn ngắn tuyên truyền mọi người trong cộng đồng tham gia vào việc sử dụng hợp lý tài nguyên hoặc bảo vệ môi trường ở địa phương.
6	**Địa lí dân cư Việt Nam**	Dân số	- Trình bày được đặc điểm dân số, phân tích các thế mạnh và hạn chế về dân số. - Nêu được chiến lược và giải pháp phát triển dân số, liên hệ được một số vấn đề dân số ở địa phương. - Sử dụng được bản đồ dân cư Việt Nam, số liệu thống kê để nhận xét, giải thích về đặc điểm dân số Việt Nam. - Giải thích được một số vấn đề thực tế liên quan đến dân số nước ta.
		Lao động và việc làm	- Trình bày được đặc điểm nguồn lao động; phân tích được tình hình sử dụng lao động theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo thành thị và nông thôn ở nước ta. - Phân tích được vấn đề việc làm ở nước ta. - Nêu được các hướng giải quyết việc làm ở nước ta.

STT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
			- Liên hệ được thực tế địa phương về vấn đề lao động, việc làm. - Phân tích được các biểu đồ, bảng số liệu về lao động và việc làm.
		Đô thị hóa	- Trình bày được đặc điểm đô thị hóa ở Việt Nam và sự phân bố mạng lưới đô thị. - Phân tích được ảnh hưởng của đô thị hóa đến phát triển kinh tế - xã hội. - Sử dụng được bản đồ dân cư Việt Nam, số liệu thống kê để nhận xét và giải thích về đô thị hóa ở nước ta. - Viết được báo cáo giới thiệu về một trong các chủ đề (dân số, lao động và việc làm, đô thị hóa ở Việt Nam.
7	**Địa lí các ngành kinh tế Việt Nam**	Chuyển dịch cơ cấu kinh tế	- Phân tích được ý nghĩa của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta. - Chứng minh và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ ở nước ta. - Nêu và đánh giá được vai trò của mỗi thành phần kinh tế trong nền kinh tế đất nước hiện nay. - Vẽ được biểu đồ, phân tích biểu đồ và số liệu thống kê liên quan đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

STT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
		Vấn đề phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	- Khái quát được vai trò của nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng nông thôn mới. - Phân tích được các thế mạnh, hạn chế đối với phát triển nền nông nghiệp ở nước ta. - Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và sự phát triển, phân bố nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi) thông qua bản đồ, bảng số liệu, tư liệu,... - Nêu được xu hướng phát triển trong nông nghiệp nước ta. - Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển lâm nghiệp. - Trình bày được tình hình phát triển và phân bố lâm nghiệp thông qua bản đồ, bảng số liệu, tư liệu,... - Trình bày được vấn đề quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng. - Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển ngành thủy sản. - Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu, tình hình phát triển và phân bố ngành thủy sản thông qua bản đồ, bảng số liệu, tư liệu,...

STT	Nội dung		Yêu cầu cần đạt
(1)	(2)		(3)
			- Vẽ được biểu đồ, nhận xét, giải thích về tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.
		Vấn đề phát triển công nghiệp	- Trình bày và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ. - Trình bày được đặc điểm phát triển và phân bố của một trong số các ngành công nghiệp sau: Khai thác than, dầu, khí; sản xuất điện; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính; sản xuất, chế biến thực phẩm; sản xuất đồ uống; dệt, may; giày dép,... - Phân tích được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp ở Việt Nam: khu công nghiệp, khu công nghệ cao, trung tâm công nghiệp. - Vẽ được biểu đồ, nhận xét và giải thích tình hình phát triển và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp.
		Vấn đề phát triển dịch vụ	- Khái quát được vai trò; phân tích được các nhân tố ảnh hưởng của các ngành dịch vụ. - Trình bày được sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch ở Việt Nam.

STT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
			- Phân tích được sự phân hóa lãnh thổ du lịch (các trung tâm, vùng du lịch), du lịch với sự phát triển bền vững. - Tìm hiểu thực tế, viết được đoạn văn ngắn giới thiệu, quảng bá về một số hoạt động và sản phẩm dịch vụ độc đáo của địa phương, nhất là về du lịch.
8	**Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam**	Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ	- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. - Trình bày được việc khai thác các thế mạnh phát triển kinh tế của vùng và nêu được hướng phát triển. - Nêu được ý nghĩa của phát triển kinh tế - xã hội đối với quốc phòng an ninh. - Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và việc khai thác các thế mạnh phát triển kinh tế của vùng.
		Phát triển kinh tế - xã hội ở Đồng bằng sông Hồng	- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. - Phân tích được một số vấn đề về phát triển kinh tế - xã hội của vùng: Vấn đề phát triển công nghiệp, vấn đề phát triển dịch vụ. - Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về các thế mạnh của vùng.

STT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
		Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở Bắc Trung Bộ	- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. - Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với việc hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của vùng. - Trình bày được một số đặc điểm nổi bật về nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của vùng. - Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và hạn chế của vùng.
		Phát triển kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ	- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. - Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh phát triển các ngành kinh tế biển của vùng. - Trình bày được việc phát triển các ngành kinh tế biển và nêu được hướng phát triển kinh tế biển của vùng. - Liên hệ được phát triển kinh tế biển với quốc phòng an ninh.

STT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
		Khai thác thế mạnh để phát triển kinh tế ở Tây Nguyên	- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. - Sử dụng được bản đồ và bảng số liệu để trình bày về thế mạnh và việc khai thác các thế mạnh của vùng: phát triển và phân bố của cây công nghiệp lâu năm, phát triển thủy điện, hoạt động lâm nghiệp và bảo vệ rừng, khai thác bôxit, phát triển du lịch. - Nêu được ý nghĩa của phát triển kinh tế - xã hội đối với quốc phòng an ninh.
		Phát triển kinh tế - xã hội ở Đông Nam Bộ	- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. - Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để trình bày về các thế mạnh và hiện trạng phát triển các ngành kinh tế: công nghiệp, dịch vụ; nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.. - Trình bày được mối quan hệ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường.
		Sử dụng hợp lý tự nhiên để phát triển kinh tế ở Đồng bằng sông Cửu Long	- Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và dân số của vùng. - Sử dụng bản đồ, số liệu thống kê, tư liệu, trình bày được vai trò, các thế mạnh, tình hình phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm, du lịch của vùng.

STT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
			- Giải thích được tại sao phải sử dụng hợp lý tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long. - Trình bày được tài nguyên du lịch và tình hình phát triển du lịch của vùng. - Thu thập được tài liệu và viết báo cáo về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với Đồng bằng sông Cửu Long, các giải pháp ứng phó. - Vẽ được biểu đồ kinh tế - xã hội, nhận xét và giải thích.
		Phát triển các vùng kinh tế trọng điểm	- Phân tích được đặc điểm chung của các vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta. - Sử dụng số liệu, bản đồ và các nguồn tài liệu khác, nhận xét và giải thích được những vấn đề liên quan đến các vùng kinh tế trọng điểm: quá trình hình thành và phát triển, các nguồn lực, thực trạng và định hướng phát triển của các vùng kinh tế trọng điểm: Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

STT	Nội dung		Yêu cầu cần đạt
(1)	*(2)*		*(3)*
			- Vẽ được biểu đồ, nhận xét và giải thích được nội dung liên quan đến các vùng kinh tế trọng điểm.
		Phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng an ninh ở Biển Đông và các đảo, quần đảo	- Trình bày được khái quát về Biển Đông. - Trình bày được vùng biển Việt Nam, các đảo và quần đảo là một bộ phận quan trọng của nước ta. - Chứng minh được vùng biển nước ta, các đảo và quần đảo có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng. - Sử dụng được bản đồ, số liệu thống kê để trình bày về các tài nguyên thiên nhiên và việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo. - Phân tích được ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong việc phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh cho đất nước; trình bày được hướng chung trong việc giải quyết các tranh chấp vùng biển - đảo ở Biển Đông. - Thu thập được tài liệu, tranh ảnh, video,... để viết và trình bày báo cáo tuyên truyền về bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

Phụ lục I

KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC

MÔN HÓA HỌC

(Kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT)

Khối lượng kiến thức của môn học với thời lượng giảng dạy là 168 tiết. Nội dung và yêu cầu cần đạt cụ thể như sau:

TT *(1)*	**Nội dung** *(2)*		**Yêu cầu cần đạt** *(3)*
1	**Mở đầu**	Nhập môn hóa học	- Nêu được đối tượng nghiên cứu của hóa học. - Trình bày được phương pháp học tập và nghiên cứu hóa học. - Nêu được vai trò của hóa học đối với đời sống, sản xuất,...
2	**Cấu tạo nguyên tử**	Các thành phần của nguyên tử	- Trình bày được thành phần của nguyên tử (nguyên tử vô cùng nhỏ; nguyên tử gồm 2 phần: hạt nhân và lớp vỏ nguyên tử; hạt nhân tạo nên bởi các hạt proton (p), neutron (n); Lớp vỏ tạo nên bởi các electron (e); điện tích, khối lượng mỗi loại hạt). - So sánh được khối lượng của electron với proton và neutron, kích thước của hạt nhân với kích thước nguyên tử.

TT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
		Nguyên tố hóa học	- Trình bày được khái niệm về nguyên tố hóa học, số hiệu nguyên tử và ký hiệu nguyên tử. - Phát biểu được khái niệm đồng vị, nguyên tử khối. - Tính được nguyên tử khối trung bình (theo amu) dựa vào khối lượng nguyên tử và phần trăm số nguyên tử của các đồng vị theo phổ khối lượng được cung cấp.
		Cấu trúc lớp vỏ electron nguyên tử	- Trình bày được mô hình của Rutherford - Bohr với mô hình hiện đại mô tả sự chuyển động của electron trong nguyên tử. - Trình bày được khái niệm lớp, phân lớp electron và mối quan hệ về số lượng phân lớp trong một lớp. - Viết được cấu hình electron nguyên tử theo lớp, phân lớp electron và theo ô orbital khi biết số hiệu nguyên tử Z của 20 nguyên tố đầu tiên trong bảng tuần hoàn. - Dựa vào đặc điểm cấu hình electron lớp ngoài cùng của nguyên tử dự đoán được tính chất hóa học cơ bản (kim loại hay phi kim) của nguyên tố tương ứng.

TT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
3	**Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học**	Cấu tạo của bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	- Nêu được về lịch sử phát minh định luật tuần hoàn và bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học. - Mô tả được cấu tạo của bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học và nêu được các khái niệm liên quan (ô, chu kỳ, nhóm).
		Xu hướng biến đổi một số tính chất của nguyên tử các nguyên tố trong một chu kỳ và trong một chu kỳ, nhóm	- Nêu được xu hướng biến đổi độ âm điện và tính kim loại, phi kim của nguyên tử các nguyên tố trong một chu kỳ, trong một chu kỳ, một nhóm (nhóm A).
		Xu hướng biến đổi thành phần và một số tính chất của hợp chất trong một chu kỳ	- Nêu được xu hướng biến đổi thành phần và tính chất acid/base của các oxide và các hydroxide theo chu kỳ. Viết được phương trình hóa học minh họa.
		Định luật tuần hoàn và ý nghĩa của bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học	- Phát biểu được định luật tuần hoàn. - Trình bày được ý nghĩa của bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học: Mối liên hệ giữa vị trí (trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học) với tính chất và ngược lại.

TT *(1)*	Nội dung *(2)*		Yêu cầu cần đạt *(3)*
4	**Liên kết hóa học**	Liên kết ion	- Trình bày được khái niệm và sự hình thành liên kết ion.
		Liên kết cộng hóa trị	- Trình bày được khái niệm và lấy được ví dụ về liên kết cộng hóa trị. - Phân biệt được các loại liên kết (liên kết cộng hóa trị không phân cực, phân cực, liên kết ion) dựa theo độ âm điện.
5	**Phản ứng oxi hóa - khử**	**Phản ứng oxi hóa - khử**	- Nêu được khái niệm và xác định được số oxi hóa của nguyên tử các nguyên tố trong hợp chất. - Nêu được khái niệm về phản ứng oxi hóa - khử và ý nghĩa của phản ứng oxi hóa - khử. - Cân bằng được phản ứng oxi hóa - khử bằng phương pháp thăng bằng electron. - Nêu được một số phản ứng oxi hóa - khử quan trọng gắn liền với cuộc sống.
6	**Năng lượng hóa học**	Phản ứng tỏa nhiệt, thu nhiệt	- Trình bày được khái niệm phản ứng tỏa nhiệt, thu nhiệt; Lấy được các ví dụ trong thực tiễn.

TT	Nội dung		Yêu cầu cần đạt
(1)	*(2)*		*(3)*
		Biến thiên enthalpy của phản ứng hóa học	- Nêu được khái niệm điều kiện chuẩn, enthalpy tạo thành (nhiệt tạo thành) $\Delta_f H^o_{298}$, tính được $\Delta_r H^o_{298}$ của một phản ứng dựa vào bảng số liệu nhiệt tạo thành cho sẵn, vận dụng công thức: $\Delta_r H^0_{298} = \sum \Delta_f H^0_{298}(sp) - \sum \Delta_f H^0_{298}(cđ)$
7	**Tốc độ phản ứng hóa học**	Khái niệm tốc độ phản ứng hóa học	- Trình bày được khái niệm tốc độ phản ứng hóa học và cách tính tốc độ trung bình của phản ứng.
		Các yếu tố ảnh hưởng tới tốc độ phản ứng hóa học	- Thực hiện (hoặc mô phỏng) được một số thí nghiệm nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới tốc độ phản ứng (nồng độ, nhiệt độ, áp suất, diện tích bề mặt, chất xúc tác).
8	**Nguyên tố nhóm VIIA**	Tính chất vật lí và hóa học các đơn chất nhóm VIIA	- Phát biểu được trạng thái tự nhiên của các nguyên tố halogen. - Mô tả được trạng thái, màu sắc của các đơn chất halogen ở điều kiện thường. - Trình bày được xu hướng nhận thêm 1 electron (từ kim loại) hoặc dùng chung electron (với phi kim) để tạo hợp chất ion hoặc hợp chất cộng hóa trị dựa theo cấu hình electron.

TT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
			- Viết được phương trình minh họa tính oxi hóa của các halogen (phản ứng với hydrogen, kim loại, thay thế halogen trong dung dịch muối bởi một halogen khác). Trình bày được tính oxi hóa của các halogen giảm dần. - Thực hiện được (hoặc quan sát video) thí nghiệm chứng minh được xu hướng giảm dần tính oxi hóa của các halogen thông qua một số phản ứng: Thay thế halogen trong dung dịch muối bởi một halogen khác; Halogen tác dụng với hydrogen và với nước. - Viết được phương trình hóa học của phản ứng tự oxi hóa - khử của chlorine trong phản ứng với dung dịch sodium hydroxide ở nhiệt độ thường và khi đun nóng; ứng dụng của phản ứng này trong sản xuất chất tẩy rửa. - Thực hiện được (hoặc quan sát video) một số thí nghiệm chứng minh tính oxi hóa mạnh của các halogen và so sánh tính oxi hóa giữa chúng (thí nghiệm tính tẩy màu của khí chlorine ẩm; thí nghiệm nước chlorine, nước bromine tương tác với các dung dịch sodium chloride, sodium bromide, sodium iodide).

TT	Nội dung		Yêu cầu cần đạt
(1)	*(2)*		*(3)*
		Hydrogen halide và một số phản ứng của ion halide (halogenua)	- Nhận xét (từ bảng dữ liệu về nhiệt độ sôi) được xu hướng biến đổi nhiệt độ sôi của các hydrogen halide từ HF tới HI - Trình bày tính acid của dãy hydrohalic acid, viết được phương trình phản ứng minh họa tính acid yếu của HF, tính acid mạnh của HCl. - Thực hiện được (quan sát vídeo) thí nghiệm phân biệt các ion F^-, Cl^-, Br^-, I^- bằng cách cho dung dịch silver nitrate vào dung dịch muối của chúng. Trình bày được tính khử của các ion halide (Cl^-, Br^-, I^-) thông qua phản ứng với chất oxi hóa là sulfuric acid đặc. - Nêu được ứng dụng của một số hydrogen halide.
9	**Cân bằng hóa học**	Khái niệm về cân bằng hóa học	- Trình bày được khái niệm phản ứng thuận nghịch và trạng thái cân bằng của một phản ứng thuận nghịch. - Vận dụng được nguyên lý chuyển dịch cân bằng Le Chatelier để giải thích ảnh hưởng của nhiệt độ, nồng độ, áp suất đến cân bằng hóa học.
		Cân bằng trong dung dịch nước	- Nêu được khái niệm sự điện ly, chất điện ly, chất không điện ly. - Trình bày được thuyết Brønsted - Lowry về acid - base.

TT *(1)*	Nội dung *(2)*		Yêu cầu cần đạt *(3)*
			- Nêu được khái niệm và ý nghĩa của pH trong thực tiễn (liên hệ giá trị pH ở các bộ phận trong cơ thể với sức khỏe con người, pH của đất, nước tới sự phát triển của động thực vật,...). - Viết được biểu thức tính pH (pH = -lg[H^+] hoặc [H^+] = 10^{-pH}) và biết cách sử dụng các chất chỉ thị để xác định pH (môi trường acid, base, trung tính) bằng các chất chỉ thị phổ biến như giấy chỉ thị màu, quỳ tím, phenolphthalein,...
10	**Nitrogen và Sulfur**	Đơn chất nitơ (nitrogen)	- Nêu được trạng thái tự nhiên của nguyên tố nitrogen. - Giải thích được tính trơ của đơn chất nitơ ở nhiệt độ thường do có liên kết ba bền vững. - Trình bày được phản ứng của đơn chất nitơ ở nhiệt độ cao với hydrogen, oxygen. Liên hệ được quá trình tạo và cung cấp nitrate (nitrat) cho đất từ nước mưa. - Trình bày được các ứng dụng của đơn chất nitơ khí và lỏng trong sản xuất, trong hoạt động nghiên cứu.

TT	Nội dung		Yêu cầu cần đạt
(1)	*(2)*		*(3)*
		Ammonia và một số hợp chất ammonium	- Mô tả được công thức Lewis và hình học của phân tử ammonia. Viết được CTPT, CTCT của NH_3 - Dựa vào đặc điểm cấu tạo của phân tử ammonia, giải thích được tính chất vật lí (tính tan), tính chất hóa học (tính base, tính khử). Viết được phương trình hóa học minh họa. - Viết được phương trình hóa học minh họa NH_3 có tính base, tính khử. - Vận dụng được kiến thức về cân bằng hóa học, tốc độ phản ứng cho phản ứng tổng hợp ammonia từ nitơ và hydrogen. - Trình bày được tính chất cơ bản của muối ammonium (dễ tan và phân ly, chuyển hóa thành ammonia trong kiềm, dễ bị nhiệt phân) và nhận biết được ion ammonium trong dung dịch. - Trình bày được ứng dụng của ammonia (chất làm lạnh; sản xuất phân bón như: đạm, ammophos; sản xuất nitric acid; làm dung môi...); của ammonium nitrate và một số muối ammonium tan như: phân đạm, phân ammophos...

TT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
			- Thực hiện được (hoặc quan sát video) thí nghiệm nhận biết được ion ammonium trong phân đạm chứa ion ammonium.
		Lưu huỳnh và sulfur dioxide	- Nêu được các trạng thái tự nhiên của nguyên tố sulfur. - Trình bày được tính chất vật lí, hóa học cơ bản và ứng dụng của lưu huỳnh đơn chất. - Quan sát video thí nghiệm chứng minh lưu huỳnh đơn chất vừa có tính oxi hóa (tác dụng với kim loại), vừa có tính khử (tác dụng với oxygen). Viết được phương trình phản ứng xảy ra trong các thí nghiệm trên. - Trình bày được tính oxi hóa (tác dụng với hydrogen sulfide) và tính khử (tác dụng với oxygen) và ứng dụng của sulfur dioxide (khả năng tẩy màu, diệt nấm mốc,...). - Trình bày được sự hình thành sulfur dioxide do tác động của con người, tự nhiên, tác hại của sulfur dioxide và một số biện pháp làm giảm thiểu lượng sulfur dioxide thải vào không khí.
		Sulfuric acid và muối sulfate	- Trình bày được tính chất vật lí, cách pha loãng và nguyên tắc xử lý sơ bộ khi bỏng acid H_2SO_4.

TT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
			- Trình bày được cấu tạo H_2SO_4; tính chất hóa học cơ bản, ứng dụng của sulfuric acid loãng, sulfuric acid đặc và những lưu ý khi sử dụng sulfuric acid. - Thực hiện/xem video được một số thí nghiệm chứng minh tính oxi hóa mạnh và tính háo nước của sulfuric acid đặc (với đồng, da, than, giấy, đường, gạo,...). - Nêu được điều kiện thực hiện, viết được các phản ứng xảy ra trong quá trình sản xuất acid H_2SO_4. - Nêu được ứng dụng của một số muối sulfate quan trọng: barium sulfate (bari sunfat), ammonium sulfate (amoni sunfat), calcium sulfate (canxi sunfat), magnesium sulfate (magie sunfat) và nhận biết được ion SO_4^{2-} trong dung dịch bằng ion Ba^{2+}.
11	**Đại cương về hóa học hữu cơ**	Hợp chất hữu cơ và hóa học hữu cơ	- Nêu được khái niệm hợp chất hữu cơ và hóa học hữu cơ; đặc điểm chung của các hợp chất hữu cơ. - Phân loại được hợp chất hữu cơ (hydrocarbon và dẫn xuất). - Nêu được khái niệm nhóm chức và một số loại nhóm chức cơ bản.

TT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
		Phương pháp tách biệt và tinh chế hợp chất hữu cơ	- Nêu được nguyên tắc và cách thức tiến hành các phương pháp tách biệt và tinh chế hợp chất hữu cơ: chưng cất, chiết, kết tinh. - Thực hiện được các thí nghiệm về chưng cất thường, chiết.
		Công thức phân tử hợp chất hữu cơ	- Nêu được khái niệm về công thức phân tử hợp chất hữu cơ. - Lập được công thức phân tử hợp chất hữu cơ từ dữ liệu phân tích nguyên tố và phân tử khối.
		Cấu tạo hóa học hợp chất hữu cơ	- Trình bày được nội dung thuyết cấu tạo hóa học trong hóa học hữu cơ. - Giải thích được hiện tượng đồng phân trong hóa học hữu cơ. - Nêu được khái niệm chất đồng đẳng và dãy đồng đẳng. - Viết được công thức cấu tạo của một số hợp chất hữu cơ đơn giản (công thức cấu tạo đầy đủ, công thức cấu tạo thu gọn). - Nêu được chất đồng đẳng, chất đồng phân dựa vào công thức cấu tạo cụ thể của các hợp chất hữu cơ.
12	**Hydrocarbon**	Alkane (ankan)	- Nêu được khái niệm về alkane, nguồn alkane trong tự nhiên, công thức chung của alkane.

TT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
			- Trình bày được quy tắc gọi tên theo danh pháp thay thế; áp dụng gọi được tên cho một số alkane mạch không phân nhánh (C1 - C6) và một số alkane mạch nhánh chứa không quá 5 nguyên tử C. - Trình bày được đặc điểm về tính chất vật lí (nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi, tỷ khối, tính tan) của một số alkane (C1 - C6). - Trình bày được đặc điểm về liên kết hóa học trong phân tử alkane; phản ứng thế (bromine hóa), cracking, phản ứng cháy của hexane. Thực hiện được thí nghiệm: cho hexane tương tác với nước bromine ở nhiệt độ thường và khi đun nóng, đốt cháy hexane; quan sát, mô tả các hiện tượng thí nghiệm và giải thích được tính chất hóa học của hexane. - Nêu được các ứng dụng của alkane trong thực tiễn và cách điều chế alkane trong công nghiệp. - Trình bày được một trong các nguyên nhân gây ô nhiễm không khí là do các chất trong khí thải của các phương tiện giao thông; Hiểu và thực hiện được một số biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường do các phương tiện giao thông gây ra.

TT	Nội dung		Yêu cầu cần đạt
(1)	*(2)*		*(3)*
		Hydrocarbon không no	- Nêu được khái niệm về alkene và alkyne, công thức chung của alkene; đặc điểm liên kết trong phân tử ethylene và acetylene. - Gọi được tên một số alkene, alkyne đơn giản (C2 - C5), tên thông thường một vài alkene, alkyne thường gặp. - Nêu được đặc điểm về tính chất vật lí (nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi, tỷ khối, khả năng hòa tan trong nước) của một số alkene (C2 - C5), acetylene. - Trình bày được các tính chất hóa học của ethylene và acetylene: Phản ứng cộng hydrogen, cộng halogen (bromine); cộng hydrogen halide (HBr) và cộng nước; Phản ứng trùng hợp của ethylene; Phản ứng của acetylene với dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3; Phản ứng oxi hóa (phản ứng cháy của alkene, acetylene). - Trình bày được phản ứng làm mất màu thuốc tím của alkene - Thực hiện được thí nghiệm điều chế và thử tính chất của ethylene và acetylene (phản ứng cháy, phản ứng với nước bromine, phản ứng làm mất màu thuốc tím); mô tả các hiện tượng thí nghiệm và giải thích được tính chất hóa học của ethylene, acetylene.

TT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
			- Trình bày được ứng dụng của các ethylene và acetylene trong thực tiễn; phương pháp điều chế alkene, acetylene trong phòng thí nghiệm (phản ứng dehydrate hóa ethylic alcohol điều chế alkene, từ calcium carbide điều chế acetylene) và trong công nghiệp (phản ứng cracking điều chế ethylene, điều chế acetylene từ methane).
13	**Alcohol - Phenol**	Alcohol	- Nêu được khái niệm alcohol; công thức tổng quát của alcohol no, đơn chức, mạch hở; khái niệm về bậc của alcohol. - Viết được công thức cấu tạo, gọi được tên theo danh pháp thay thế một số alcohol đơn giản (C1 - C5), tên thông thường một vài alcohol thường gặp. - Trình bày được đặc điểm về tính chất vật lí của alcohol (trạng thái, xu hướng của nhiệt độ sôi, độ tan trong nước). - Trình bày được tính chất hóa học của ethylic alcohol: Phản ứng với Na; Phản ứng tạo thành ethylene hoặc ether; Phản ứng oxi hóa thành aldehyde; Phản ứng đốt cháy. - Thực hiện được các thí nghiệm đốt cháy ethanol; mô tả các hiện tượng thí nghiệm và giải thích được tính chất hóa học của ethylic alcohol.

TT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
			- Trình bày được ứng dụng của ethylic alcohol, tác hại của việc lạm dụng rượu bia và đồ uống có cồn; Nêu được thái độ, cách ứng xử của cá nhân với việc bảo vệ sức khỏe bản thân, gia đình và cộng đồng. - Trình bày được phương pháp điều chế ethanol bằng phương pháp hydrate hóa ethylene, lên men tinh bột.
		Phenol	- Nêu được khái niệm về phenol, tên gọi, công thức cấu tạo một số phenol đơn giản, đặc điểm cấu tạo của phenol. - Nêu được tính chất vật lí (trạng thái, nhiệt độ nóng chảy, độ tan trong nước) của phenol. - Trình bày được tính chất hóa học cơ bản của phenol: Phản ứng với sodium hydroxide), phản ứng thế ở vòng thơm (tác dụng với nước bromine, với HNO_3 đặc trong H_2SO_4 đặc). - Thực hiện được (hoặc quan sát video, hoặc qua mô tả) thí nghiệm của phenol với sodium hydroxide, với nước bromine, với HNO_3 đặc trong H_2SO_4 đặc; mô tả hiện tượng thí nghiệm, giải thích được tính chất hóa học của phenol.

TT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
			- Trình bày được ứng dụng của phenol - Điều chế phenol (từ cumene và từ nhựa than đá).
14	**Hợp chất carbonyl (Aldehyde - Ketone) - Carboxylic acid**	Hợp chất carbonyl	- Nêu được khái niệm hợp chất carbonyl (aldehyde và ketone). - Gọi được tên theo danh pháp thay thế một số hợp chất carbonyl đơn giản (C1 - C5); tên thông thường một vài hợp chất carbonyl thường gặp. - Mô tả được đặc điểm liên kết của nhóm chức carbonyl. - Nêu được đặc điểm về tính chất vật lí (trạng thái, nhiệt độ sôi, tính tan) của hợp chất carbonyl. - Trình bày được tính chất hóa học của formaldehyde và acetone: Phản ứng khử (với $NaBH_4$ hoặc $LiAlH_4$); Phản ứng oxi hóa aldehyde (thuốc thử Tollens). - Thực hiện được (hoặc quan sát qua video) các thí nghiệm: phản ứng với thuốc thử Tollens; mô tả hiện tượng thí nghiệm, giải thích được tính chất hóa học của hợp chất carbonyl. - Trình bày được ứng dụng của hợp chất acetaldehyde và acetone; phương pháp điều chế acetaldehyde bằng cách oxi hóa ethylene.

TT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
			Chú ý: Phản ứng khử của hợp chất carbonyl bằng $LiAlH_4$ hay $NaBH_4$ chỉ viết dưới dạng sơ đồ: $R\text{-}CO\text{-}R + [H] \longrightarrow R\text{-}CH(OH)\text{-}R$ - Điều chế acetone từ cumene.
		Carboxylic acid	- Nêu được khái niệm về carboxylic acid. - Viết được công thức cấu tạo và gọi được tên một số acid theo danh pháp thay thế (C1 - C5) và một vài acid thường gặp theo tên thông thường. - Trình bày được đặc điểm cấu tạo phân tử acetic acid. - Nêu được đặc điểm về tính chất vật lí (trạng thái, nhiệt độ sôi, tính tan) của carboxylic acid. - Trình bày được tính chất hóa học cơ bản của acetic acid: Thể hiện tính acid (Phản ứng với chất chỉ thị, phản ứng với kim loại, oxide kim loại, base, muối) và phản ứng ester hóa. - Thực hiện được thí nghiệm về phản ứng của acetic acid với quỳ tím, sodium carbonate (hoặc calcium carbonate), magnesium; điều chế ethyl acetate (hoặc quan sát qua video thí nghiệm); mô tả được các hiện tượng thí nghiệm và giải thích được tính chất hóa học của acetic acid.

TT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
			- Trình bày được ứng dụng và phương pháp điều chế acetic acid (điều chế acetic acid bằng phương pháp lên men giấm và phản ứng oxi hóa butane).
15	**Ester - Lipid**	Ester - Lipid	- Nêu được khái niệm về lipid, chất béo, acid béo, đặc điểm cấu tạo phân tử ester. - Viết được công thức cấu tạo và gọi được tên một số ester đơn giản (số nguyên tử C trong phân tử ≤ 5) và thường gặp. - Trình bày được phương pháp điều chế ester và ứng dụng của một số ester. - Trình bày được đặc điểm về tính chất vật lí và tính chất hóa học cơ bản của ester và của chất béo (phản ứng thủy phân).
16	**Carbohydrate**	Carbohydrate	- Nêu được khái niệm, cách phân loại carbohydrate, trạng thái tự nhiên của glucose, fructose, saccharose, tinh bột và cellulose. - Viết được công thức cấu tạo dạng mạch hở và gọi được tên của một số carbohydrate: glucose và fructose; saccharose; tinh bột và cellulose. - Trình bày được tính chất hóa học cơ bản của glucose và fructose: phản ứng với copper (II) hydroxide, phản ứng với thuốc thử Tollens, phản ứng lên men của glucose.

TT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
			- Trình bày được tính chất hóa học cơ bản của saccharose (phản ứng với copper(II) hydroxide, phản ứng thủy phân). - Trình bày được tính chất hóa học cơ bản của tinh bột (phản ứng thủy phân, phản ứng với iodine); của cellulose (phản ứng thủy phân, phản ứng với nitric acid). - Thực hiện được (hoặc quan sát video) thí nghiệm về phản ứng của glucose (với copper(II) hydroxide, thuốc thử Tollens); của saccharose (phản ứng với copper(II) hydroxide); của tinh bột (phản ứng thủy phân, phản ứng của hồ tinh bột với iodine); của cellulose (phản ứng thủy phân, phản ứng với nitric acid). Mô tả các hiện tượng thí nghiệm và giải thích được tính chất hóa học của glucose, fructose, saccharose, tinh bột và cellulose. - Trình bày được sự chuyển hóa tinh bột trong cơ thể, sự tạo thành tinh bột trong cây xanh và ứng dụng của một số carbohydrate.
17	**Hợp chất chứa nitrogen**	Amine (Amin)	- Nêu được khái niệm amine và phân loại amine (theo bậc của amine và bản chất gốc hydrocarbon).

TT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
			- Viết được công thức cấu tạo và gọi được tên một số amine theo danh pháp thế, danh pháp gốc - chức (số nguyên tử C trong phân tử ≤ 5), tên thông thường của một số amine hay gặp. - Nêu được đặc điểm về tính chất vật lí của amine (trạng thái, nhiệt độ sôi, nhiệt độ nóng chảy, khả năng hòa tan). - Trình bày được đặc điểm cấu tạo phân tử methylamine và aniline. - Trình bày được tính chất hóa học đặc trưng của methylamine: tính chất của nhóm $-NH_2$ (với quỳ tím, với HCl), phản ứng thế ở nhân thơm (với nước bromine) của aniline (anilin). - Thực hiện được (hoặc quan sát video) thí nghiệm về phản ứng của dung dịch methylamine với quỳ tím (chất chỉ thị), với HCl; phản ứng của aniline với nước bromine; mô tả được các hiện tượng thí nghiệm và giải thích được tính chất hóa học của amine. - Trình bày được ứng dụng của amine (ứng dụng của aniline). - Trình bày được các phương pháp điều chế amine (khử hợp chất nitro và thế nguyên tử H trong phân tử ammonia).

TT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
		Amino acid (amino axit), peptide (peptit)	- Nêu được khái niệm về amino acid, amino acid thiên nhiên, amino acid trong cơ thể; gọi được tên một số amino acid thông dụng, đặc điểm cấu tạo phân tử của amino acid. - Nêu được đặc điểm về tính chất vật lí của amino acid (trạng thái, nhiệt độ sôi, khả năng hòa tan). - Trình bày được tính chất hóa học đặc trưng của amino acid (tính lưỡng tính, phản ứng ester hóa của glycine; phản ứng trùng ngưng của ε- và ω-amino acid). - Nêu được khái niệm peptide và viết được cấu tạo của peptide. - Trình bày được tính chất hóa học đặc trưng của peptide (phản ứng thủy phân, phản ứng màu biuret). - Thực hiện được thí nghiệm phản ứng màu biuret của peptide.
		Protein và enzyme (enzim)	- Nêu được khái niệm, đặc điểm cấu tạo phân tử, tính chất vật lí của protein. - Trình bày được tính chất hóa học đặc trưng của protein (phản ứng thủy phân, phản ứng màu của protein với nitric acid và copper(II) hydroxide; sự đông tụ bởi nhiệt.

TT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
			- Thực hiện được thí nghiệm về phản ứng đông tụ của protein: đun nóng lòng trắng trứng; phản ứng của lòng trắng trứng với nitric acid; mô tả các hiện tượng thí nghiệm, giải thích được tính chất hóa học của protein. - Nêu được vai trò của protein đối với sự sống. - Nêu được vai trò của enzyme trong phản ứng sinh hóa và ứng dụng của enzyme trong công nghệ sinh học.
18	**Polymer**	Đại cương về polymer	- Viết được công thức cấu tạo và gọi được tên của một số polymer thường gặp (polyethylene (PE), polystyrene (PS), poly(vinyl chloride) (PVC), polybutadiene, polyisoprene, poly(methyl methacrylate), nylon-6,6). - Nêu được đặc điểm về tính chất vật lí (trạng thái, nhiệt độ nóng chảy, tính chất cơ học). - Trình bày được phương pháp trùng hợp, trùng ngưng để tổng hợp một số polymer thường gặp.
		Chất dẻo	- Nêu được khái niệm về chất dẻo. - Trình bày được thành phần phân tử và phản ứng điều chế polyethylene (PE), polystyrene (PS), poly(vinyl chloride) (PVC), poly(methyl methacrylate), poly(phenol formaldehyde) (PPF).

TT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
			- Trình bày được ứng dụng của chất dẻo và tác hại của việc lạm dụng chất dẻo trong đời sống và sản xuất. Nêu được một số biện pháp để hạn chế sử dụng một số loại chất dẻo để giảm thiểu ô nhiễm môi trường, bảo vệ sức khỏe con người.
		Tơ	- Nêu được khái niệm và phân loại về tơ. - Trình bày được cấu tạo, tính chất và ứng dụng một số tơ tự nhiên (bông, sợi, len lông cừu, tơ tằm,...), tơ nhân tạo (tơ tổng hợp như nylon-6,6; capron; nitron hay olon,... và tơ bán tổng hợp (tơ visco, tơ cellulose acetate).
		Cao su	- Nêu được khái niệm cao su, cao su thiên nhiên, cao su nhân tạo. - Trình bày được đặc điểm cấu tạo, tính chất, ứng dụng của cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (cao su buna, cao su buna-S, cao su buna-N). - Trình bày được phản ứng điều chế cao su tổng hợp (cao su buna, cao su buna-S, cao su buna-N).
19	**Pin điện và điện phân**	Thế điện cực và nguồn điện hóa học	- Mô tả được cặp oxi hóa - khử kim loại. - Nêu được giá trị thế điện cực chuẩn là đại lượng đánh giá khả năng khử giữa các dạng khử, khả năng oxi hóa giữa các dạng oxi hóa trong điều kiện chuẩn.

TT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
			- Sử dụng bảng giá trị thế điện cực chuẩn để: So sánh được tính khử, tính oxi hóa giữa các cặp oxi hóa - khử kim loại; Dự đoán được chiều hướng xảy ra phản ứng giữa hai cặp oxi hóa - khử. - Tính được sức điện động của pin điện hóa tạo bởi hai cặp oxi hóa - khử. Nêu được cấu tạo, nguyên tắc hoạt động của pin Galvani.
		Điện phân	- Trình bày được nguyên tắc (thứ tự) điện phân dung dịch, điện phân nóng chảy. - Thực hiện được (hoặc quan sát video) thí nghiệm điện phân dung dịch copper (II) sulfate, dung dịch sodium chloride (tự chế tạo nước Javel để tẩy rửa). - Nêu được ứng dụng của một số hiện tượng điện phân trong thực tiễn (mạ điện, tinh chế kim loại). - Trình bày được giai đoạn điện phân aluminium oxide trong sản xuất nhôm (aluminium), tinh luyện đồng (copper) bằng phương pháp điện phân, mạ điện. - Viết được phương trình điện phân dung dịch NaCl, $CuSO_4$, điện phân nóng chảy aluminium oxide.

TT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
20	**Đại cương về kim loại**	Đặc điểm cấu tạo và liên kết kim loại	- Trình bày được đặc điểm cấu tạo của nguyên tử kim loại và tinh thể kim loại. - Nêu được đặc điểm của liên kết kim loại.
		Tính chất vật lí và tính chất hóa học của kim loại	- Trình bày được một số tính chất vật lí chung của kim loại (tính dẻo, tính dẫn điện, tính dẫn nhiệt, tính ánh kim. - Giải thích được một số tính chất vật lí chung của kim loại (tính dẻo, tính dẫn điện, tính dẫn nhiệt, tính ánh kim). - Trình bày được ứng dụng từ tính chất vật lí chung và riêng của kim loại. - Trình bày được các tính chất hóa học cơ bản của kim loại, viết được phương trình minh họa. + Tác dụng với phi kim (chlorine, oxygen, lưu huỳnh). + Tác dụng với H_2O. + Tác dụng với acid (HCl, H_2SO_4 loãng, H_2SO_4 đặc). + Tác dụng với dung dịch muối - Thực hiện/quan sát video một số thí nghiệm của kim loại tác dụng với phi kim, acid (HCl, H_2SO_4), muối, mô tả hiện tượng thí nghiệm, giải thích và nhận xét.

TT	Nội dung		Yêu cầu cần đạt
(1)	*(2)*		*(3)*
		Quặng, mỏ kim loại trong tự nhiên và các phương pháp tách kim loại	- Nêu được khái quát trạng thái tự nhiên của kim loại và một số quặng, mỏ kim loại phổ biến. - Trình bày được phương pháp tách kim loại hoạt động mạnh như sodium, magnesium, nhôm (aluminium); Phương pháp tách kim loại hoạt động trung bình như kẽm (zinc), sắt (iron); Phương pháp tách kim loại kém hoạt động như đồng (copper). - Trình bày được nhu cầu và thực tiễn tái chế kim loại phổ biến sắt, nhôm, đồng...
		Hợp kim	- Trình bày được khái niệm hợp kim và việc sử dụng phổ biến hợp kim. - Nêu được thành phần, tính chất và ứng dụng một số hợp kim quan trọng của sắt và nhôm (gang, thép, dural,...).
		Sự ăn mòn kim loại	- Nêu được khái niệm ăn mòn kim loại từ sự biến đổi của một số kim loại, hợp kim trong tự nhiên. - Trình bày được các dạng ăn mòn kim loại và các phương pháp chống ăn mòn kim loại. - Thực hiện được (hoặc quan sát qua video) thí nghiệm ăn mòn điện hóa đối với sắt và thí nghiệm bảo vệ sắt bằng phương pháp điện hóa, mô tả hiện tượng thí nghiệm, giải thích và nhận xét.

TT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
21	**Nguyên tố nhóm IA và nhóm IIA**	Đơn chất *nguyên tố nhóm IA*	- Nêu được trạng thái tự nhiên của nguyên tố nhóm IA. - Nêu được một số tính chất vật lý của kim loại kiềm (nhiệt độ nóng chảy thấp, lượng riêng nhỏ và độ cứng thấp). - Giải thích được nguyên nhân kim loại nhóm IA có tính khử mạnh hơn so với các nhóm kim loại khác. - Nêu được kim loại nhóm IA có tính khử mạnh hơn so với các nhóm kim loại khác. Viết phương trình phản ứng khi cho kim loại kiềm phản ứng với nước. - Thông qua mô tả thí nghiệm (hoặc quan sát qua video), nêu được hiện tượng, viết phương trình phản ứng khi cho kim loại kiềm phản ứng với nước, chlorine và oxygen. - Trình bày được cách bảo quản kim loại nhóm IA. - Giải thích được trạng thái tồn tại của nguyên tố nhóm IA trong tự nhiên. - Nêu được trạng thái tồn tại của nguyên tố nhóm IA trong tự nhiên.
		Một số ứng dụng và quá trình liên quan đến hợp chất nhóm IA	- Nêu được khả năng tan trong nước của các hợp chất nhóm IA. - Thực hiện được thí nghiệm (hoặc qua quan sát video thí nghiệm) phân biệt các ion Li^+, Na^+, K^+ bằng màu ngọn lửa.

TT (1)	Nội dung (2)		Yêu cầu cần đạt (3)
			- Tìm hiểu và trình bày được ứng dụng của sodium chloride. - Trình bày được các ứng dụng phổ biến của sodium hydrogen carbonate (natri hiđrocacbonat), sodium carbonate (natri cacbonat).
		Tính chất cơ bản của một số loại hợp chất nhóm IIA	- Nêu được khả năng tan trong nước của các muối carbonate, sulfate, nitrate nhóm IIA. - Thực hiện được thí nghiệm/quan sát video so sánh định tính độ tan giữa calcium sulfate và barium sulfate từ phản ứng của calcium chloride, barium chloride với dung dịch Na_2SO_4. - Thực hiện được thí nghiệm/quan sát video kiểm tra sự có mặt từng ion riêng biệt Ca^{2+}, Ba^{2+}, SO_4^{2-}, CO_3^{2-} trong dung dịch.
		Một số ứng dụng của nguyên tố nhóm IIA và hợp chất của chúng	- Nêu được ứng dụng của kim loại dạng nguyên chất, hợp kim; ứng dụng của đá vôi, vôi, nước vôi, thạch cao, khoáng vật apatite,... dựa trên một số tính chất hóa học và vật lí của chúng; vai trò một số hợp chất của calcium trong cơ thể con người.
		Nước cứng và làm mềm nước cứng	- Nêu được khái niệm nước cứng, phân loại nước cứng. - Trình bày được tác hại của nước cứng. - Trình bày được các phương pháp làm mềm nước cứng.

TT	Nội dung		Yêu cầu cần đạt
(1)	*(2)*		*(3)*
22	**Sơ lược về dãy kim loại chuyển tiếp thứ nhất**	Đại cương về kim loại chuyển tiếp dãy thứ nhất	- Nêu được đặc điểm cấu hình electron của nguyên tử kim loại chuyển tiếp dãy thứ nhất (từ Sc đến Cu). - Trình bày được một số tính chất vật lí của kim loại chuyển tiếp (nhiệt độ nóng chảy, khối lượng riêng, độ dẫn điện và dẫn nhiệt, độ cứng) và ứng dụng của kim loại chuyển tiếp ứng từ các tính chất đó. - Nêu được xu hướng có nhiều số oxi hóa của nguyên tố chuyển tiếp. - Nêu được các trạng thái oxi hóa phổ biến, cấu hình electron, màu sắc đặc trưng của một số ion kim loại chuyển tiếp dãy thứ nhất. - Viết được phương trình phản ứng minh họa tính chất cơ bản của hợp chất Fe(II) (tính khử), Fe(III) (tính oxi hóa). - Thực hiện được (hoặc quan sát video) thí nghiệm xác định hàm lượng muối Fe(II) bằng dung dịch thuốc tím. - Thực hiện được (hoặc quan sát video) thí nghiệm kiểm tra sự có mặt từng ion riêng biệt: Cu^{2+}, Fe^{3+}.

Phụ lục I

KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC

MÔN LỊCH SỬ (Dành cho nhóm ngành III)

(Kèm theo Thông tư số 15/2022/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Khối lượng kiến thức của môn học với thời lượng giảng dạy là 168 tiết. Nội dung và yêu cầu cần đạt cụ thể như sau:

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC	
Hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức *Lịch sử* - Hiện thực lịch sử - Lịch sử được con người nhận thức	- Trình bày được khái niệm lịch sử. - Phân biệt được hiện thực lịch sử và lịch sử được con người nhận thức.
Sử học - Khái niệm sử học - Đối tượng nghiên cứu của sử học - Chức năng, nhiệm vụ của sử học	- Giải thích được khái niệm sử học. - Trình bày được đối tượng nghiên cứu của sử học. - Nêu được chức năng, nhiệm vụ của sử học.
Tri thức lịch sử và cuộc sống: *Học tập và khám phá lịch sử suốt đời*	- Giải thích được sự cần thiết phải học tập và khám phá lịch sử suốt đời.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
- Sự cần thiết của việc học tập, khám phá lịch sử suốt đời - Thu thập thông tin, sử liệu, làm giàu tri thức lịch sử - Kết nối kiến thức, bài học lịch sử vào cuộc sống	- Biết cách sưu tầm, thu thập, xử lý thông tin, sử liệu để học tập, khám phá lịch sử. - Vận dụng kiến thức, bài học lịch sử để giải thích những vấn đề thời sự trong nước và thế giới, những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống (ở mức độ đơn giản). - Quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hóa của dân tộc Việt Nam và thế giới.
VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC	
Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên - Mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa - Vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa và di sản thiên nhiên	- Nêu được mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa và di sản thiên nhiên. - Có ý thức vận động các bạn và mọi người ở xung quanh cùng tham gia bảo vệ các di sản văn hóa và di sản thiên nhiên ở địa phương.
Sử học với sự phát triển du lịch - Vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển du lịch	- Giải thích được vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển du lịch.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
- Vai trò của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử, di sản văn hóa	- Nêu được tác động của du lịch với công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hóa.
MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI	
Khái niệm văn minh - Khái niệm văn minh - Phân biệt văn minh và văn hóa	- Giải thích được khái niệm văn minh. - Phân biệt được khái niệm văn minh, văn hóa.
Một số nền văn minh phương Đông *Văn minh Ai Cập* - Những thành tựu tiêu biểu - Ý nghĩa	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh cổ đại phương Đông. - Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ai Cập về chữ viết, khoa học tự nhiên, kiến trúc, điêu khắc.
Văn minh Trung Hoa - Những thành tựu tiêu biểu - Ý nghĩa	- Nêu được thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Trung Hoa về chữ viết, văn học nghệ thuật, sử học, khoa học tự nhiên, y học, thiên văn học, lịch pháp, tư tưởng, tôn giáo.
Văn minh Ấn Độ - Những thành tựu tiêu biểu - Ý nghĩa	- Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Ấn Độ về chữ viết, văn học nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Một số nền văn minh phương Tây *Văn minh Hy Lạp - La Mã* - Những thành tựu tiêu biểu - Ý nghĩa	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các nền văn minh phương Tây thời cổ - trung đại. - Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh Hy Lạp - La Mã về chữ viết, thiên văn học, lịch pháp, văn học, nghệ thuật, khoa học tự nhiên, tư tưởng, tôn giáo, thể thao.
Văn minh thời Phục hưng - Những thành tựu tiêu biểu - Ý nghĩa	- Nêu được những thành tựu tiêu biểu và ý nghĩa của văn minh thời Phục hưng về tư tưởng, văn học, nghệ thuật, khoa học kỹ thuật, thiên văn học.
CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI	
Cách mạng công nghiệp thời cận đại *Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất* Những thành tựu cơ bản	- Biết cách sưu tầm và sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về các cuộc cách mạng công nghiệp. - Nêu được thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất.
Cách mạng công nghiệp lần thứ hai Những thành tựu cơ bản	- Nêu được những thành tựu cơ bản của Cách mạng công nghiệp lần thứ hai.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai - Về kinh tế - Về xã hội, văn hóa	- Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ nhất và lần thứ hai về kinh tế, xã hội, văn hóa.
Cách mạng công nghiệp thời hiện đại *Cách mạng công nghiệp lần thứ ba* - Những thành tựu cơ bản	- Nêu được những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba.
Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Cách mạng 4.0) - Những thành tựu cơ bản	- Nêu được những thành tựu cơ bản của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
Ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư - Về kinh tế - Về xã hội, văn hóa	- Nêu được ý nghĩa của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư về kinh tế, xã hội, văn hóa. - Có thái độ trân trọng những thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của lịch sử. - Vận dụng được những hiểu biết về tác động hai mặt của Cách mạng công nghiệp lần thứ ba và lần thứ tư để tuân thủ những quy định của pháp luật trong cách thức giao tiếp trên Internet, mạng xã hội.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI CỔ - TRUNG ĐẠI	
Hành trình phát triển và thành tựu của văn minh Đông Nam Á thời cổ - trung đại *Hành trình phát triển* *Một số thành tựu tiêu biểu* - Tôn giáo và tín ngưỡng - Văn tự và văn học - Kiến trúc và điêu khắc	- Biết cách sưu tầm và sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về lịch sử văn minh Đông Nam Á. - Trình bày được các thời kỳ phát triển của văn minh Đông Nam Á. - Nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á về tôn giáo và tín ngưỡng, văn tự và văn học, kiến trúc và điêu khắc. - Biết trân trọng giá trị trường tồn của các di sản văn minh Đông Nam Á, tham gia bảo tồn các di sản văn minh Đông Nam Á nói chung và ở Việt Nam nói riêng.
MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)	
Một số nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam *Văn minh Văn Lang - Âu Lạc* - Cơ sở hình thành - Những thành tựu tiêu biểu	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về văn minh Văn Lang - Âu Lạc. - Nêu được cơ sở hình thành văn minh Văn Lang - Âu Lạc. - Nêu được những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Văn Lang - Âu Lạc về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Văn minh Champa - Cơ sở hình thành - Những thành tựu tiêu biểu	- Nêu được cơ sở hình thành văn minh Champa. - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Champa về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước.
Văn minh Phù Nam - Cơ sở hình thành - Những thành tựu tiêu biểu	- Nêu được cơ sở hình thành văn minh Phù Nam. - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Phù Nam về đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tổ chức xã hội, Nhà nước. - Biết vận dụng hiểu biết về các nền văn minh cổ để giới thiệu về đất nước, con người Việt Nam. Nhận thức được giá trị trường tồn của các nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam. Có ý thức trân trọng truyền thống lao động cần cù, sáng tạo của dân tộc Việt Nam trong lịch sử. Có trách nhiệm trong việc góp phần bảo tồn các di sản văn hóa của dân tộc.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Văn minh Đại Việt *Cơ sở hình thành và quá trình phát triển của văn minh Đại Việt* - Khái niệm văn minh Đại Việt - Cơ sở hình thành - Quá trình phát triển	- Giải thích được khái niệm văn minh Đại Việt. - Trình bày được cơ sở hình thành văn minh Đại Việt về kế thừa văn minh Văn Lang - Âu Lạc, nền độc lập tự chủ của đất nước, tiếp thu ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc, Ấn Độ. - Nêu được quá trình phát triển của văn minh Đại Việt.
Một số thành tựu của văn minh Đại Việt - Về kinh tế - Về chính trị - Về tư tưởng, tôn giáo - Về văn hóa, giáo dục, văn học, nghệ thuật	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về những thành tựu của văn minh Đại Việt. - Nêu được một số thành tựu cơ bản của nền văn minh Đại Việt về kinh tế, chính trị, tư tưởng, tôn giáo, văn hóa, giáo dục, văn học, nghệ thuật.
Ý nghĩa của văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam	- Phân tích được ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt trong lịch sử dân tộc Việt Nam. - Trân trọng giá trị của nền văn minh Đại Việt, vận dụng hiểu biết về văn minh Đại Việt để giới thiệu, quảng bá về đất nước, con người, di sản văn hóa Việt Nam.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM	
Các dân tộc trên đất nước Việt Nam *- Thành phần dân tộc theo dân số* *- Thành phần dân tộc theo ngữ hệ*	- Nêu được thành phần dân tộc theo dân số. - Trình bày được việc phân chia tộc người theo ngữ hệ.
Khái quát về đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam - Đời sống vật chất - Đời sống tinh thần	- Trình bày được nét chính về đời sống vật chất của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. - Nêu được nét chính về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam.
Khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam *Khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam* - Sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc - Vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước - Vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay	- Nêu được nét chính về sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam. - Nêu được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước. - Nêu được vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay	
- Quan điểm của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc	- Nêu được quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước về chính sách dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.
- Nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước	- Nêu được nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng và an ninh. - Có ý thức trân trọng sự bình đẳng giữa các dân tộc, có hành động cụ thể góp phần tham gia vào việc giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc.
THỰC HÀNH LỊCH SỬ	
- Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học. - Tiến hành các hoạt động giáo dục lịch sử gắn với thực địa (di sản lịch sử, văn hóa),... - Học tập tại các bảo tàng, xem phim tài liệu lịch sử. - Tổ chức các câu lạc bộ, các cuộc thi "Em yêu lịch sử", "Nhà sử học trẻ tuổi", các trò chơi lịch sử.	- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử. - Tạo hứng thú trong học tập.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN	
Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản *Tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản* - Kinh tế - Chính trị - Xã hội - Tư tưởng	- Trình bày được tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản về kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng.
Mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của các cuộc cách mạng tư sản - Mục tiêu và nhiệm vụ - Giai cấp lãnh đạo và động lực cách mạng	- Phân tích được mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của các cuộc cách mạng tư sản.
Kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản - Kết quả - Ý nghĩa	- Trình bày được kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản.
Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản *Sự xác lập chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ*	- Trình bày được sự xác lập của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và Bắc Mỹ.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản - Chủ nghĩa đế quốc và quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa - Sự mở rộng và phát triển của chủ nghĩa tư bản - Chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền	- Trình bày được quá trình mở rộng xâm lược thuộc địa và phát triển của chủ nghĩa tư bản. - Trình bày được sự phát triển của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền.
Chủ nghĩa tư bản hiện đại - Khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại - Tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại	- Nêu được khái niệm chủ nghĩa tư bản hiện đại. - Nêu được tiềm năng và thách thức của chủ nghĩa tư bản hiện đại. - Có nhận thức đúng đắn về tiềm năng và những hạn chế của chủ nghĩa tư bản. Vận dụng được những hiểu biết về lịch sử chủ nghĩa tư bản để giải thích những vấn đề thời sự của xã hội tư bản hiện nay.
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1917 ĐẾN NAY	
Sự hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết - Quá trình hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết - Ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết	- Trình bày được quá trình hình thành Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết. - Phân tích được ý nghĩa sự ra đời của Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai	
- Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu	- Trình bày được sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Sự mở rộng chủ nghĩa xã hội ở châu Á và khu vực Mỹ Latinh	- Nêu được sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở khu vực châu Á, khu vực Mỹ Latinh.
- Nguyên nhân khủng hoảng và sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô	- Giải thích được nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ mô hình chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô.
Chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay	
- Khái quát về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay	- Nêu được nét chính về chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay.
- Thành tựu chính của công cuộc cải cách mở cửa ở Trung Quốc	- Nêu được những thành tựu chính và ý nghĩa của công cuộc cải cách mở cửa của Trung Quốc. - Có ý thức trân trọng những thành tựu, giá trị của chủ nghĩa xã hội, sẵn sàng tham gia đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á	
Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á *Quá trình xâm lược và cai trị* - Đông Nam Á hải đảo - Đông Nam Á lục địa	- Trình bày được quá trình các nước thực dân phương Tây xâm lược và thiết lập nền thống trị ở Đông Nam Á (Đông Nam Á hải đảo và Đông Nam Á lục địa).
Công cuộc cải cách ở Xiêm - Công cuộc cải cách ở Xiêm - Ý nghĩa của công cuộc cải cách ở Xiêm	- Trình bày được công cuộc cải cách ở Xiêm. - Giải thích được vì sao Xiêm là nước duy nhất ở Đông Nam Á không trở thành thuộc địa của thực dân phương Tây.
Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á *Phong trào đấu tranh chống thực dân xâm lược ở Đông Nam Á* - Đông Nam Á hải đảo - Đông Nam Á lục địa	- Tóm tắt được nét chính về cuộc đấu tranh chống thực dân xâm lược ở một số nước Đông Nam Á hải đảo (Indonesia, Philippines) và Đông Nam Á lục địa (Myanmar, ba nước Đông Dương).

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á - Cuối thế kỷ XIX đến năm 1920 - Từ năm 1920 đến năm 1945 - Từ năm 1945 đến năm 1975	- Nêu được các giai đoạn phát triển của cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc ở Đông Nam Á.
Thời kỳ tái thiết và phát triển sau khi giành được độc lập - Những ảnh hưởng của chế độ thực dân - Quá trình tái thiết và phát triển	- Nêu được những ảnh hưởng của chế độ thực dân đối với các thuộc địa. Liên hệ với thực tế ở Việt Nam. - Tóm tắt được nét chính về quá trình tái thiết và phát triển ở Đông Nam Á. - Có ý thức trân trọng những thành quả đấu tranh giành độc lập và phát triển của các dân tộc ở Đông Nam Á hiện nay.
CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)	
Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam *Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam* - Vị trí địa chiến lược của Việt Nam	- Nêu được vị trí địa chiến lược của Việt Nam.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
- Vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam	- Phân tích được vai trò, ý nghĩa của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam. - Biết trân trọng truyền thống đấu tranh bảo vệ Tổ quốc của các thế hệ Việt Nam trong lịch sử, tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương.
Một số cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu - Cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán và chiến thắng Bạch Đằng năm 938 - Cuộc kháng chiến chống Tống năm 981 và những năm 1075 - 1077 - Ba lần kháng chiến chống quân Mông - Nguyên - Kháng chiến chống quân Xiêm những năm 1784 - 1785 - Kháng chiến chống quân Thanh năm 1789	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam. - Trình bày được nội dung chính của các cuộc kháng chiến thắng lợi tiêu biểu của dân tộc Việt Nam về thời gian, địa điểm, đối tượng xâm lược, những trận đánh lớn, kết quả. - Giải thích được nguyên nhân chính dẫn đến thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược.
Một số cuộc kháng chiến không thành công - Kháng chiến chống quân Triệu - Kháng chiến chống Minh - Kháng chiến chống thực dân Pháp nửa sau thế kỷ XIX	- Trình bày được nội dung chính của các cuộc kháng chiến không thành công về thời gian, địa điểm, đối tượng xâm lược, những trận đánh lớn, kết quả. - Giải thích được nguyên nhân không thành công của một số cuộc kháng chiến trong lịch sử.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
- Nguyên nhân không thành công	- Vận dụng kiến thức đã học, rút ra được những bài học lịch sử cơ bản từ lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, nhận thức được giá trị của các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. - Có ý thức trân trọng, tự hào về truyền thống đấu tranh bảo vệ, xây dựng đất nước của dân tộc Việt Nam và sẵn sàng tham gia đóng góp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.
Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỷ III TCN - đến cuối thế kỷ XIX) *Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kỳ Bắc thuộc* - Khởi nghĩa Hai Bà Trưng - Khởi nghĩa Bà Triệu - Khởi nghĩa Lý Bí - Khởi nghĩa Phùng Hưng	- Trình bày được nội dung chính của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kỳ Bắc thuộc. - Nêu được ý nghĩa của một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.
Khởi nghĩa Lam Sơn - Bối cảnh lịch sử - Diễn biến chính - Ý nghĩa lịch sử	- Nêu được bối cảnh lịch sử của khởi nghĩa Lam Sơn. - Trình bày được diễn biến chính của khởi nghĩa Lam Sơn. - Nêu được ý nghĩa của khởi nghĩa Lam Sơn.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Phong trào Tây Sơn - Bối cảnh lịch sử - Diễn biến chính - Ý nghĩa lịch sử	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử về phong trào Tây Sơn. - Trình bày được bối cảnh lịch sử và những diễn biến chính của phong trào Tây Sơn. - Nêu được ý nghĩa của phong trào Tây Sơn.
Một số bài học lịch sử - Về quá trình tập hợp lực lượng - Về vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc - Về nghệ thuật quân sự - Bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay	- Rút ra được những bài học lịch sử chính của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam về quá trình vận động, tập hợp quần chúng nhân dân tham gia, vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc, nghệ thuật quân sự. - Nêu được các bài học lịch sử đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. - Tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc Việt Nam trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
MỘT SỐ CUỘC CẢI CÁCH LỚN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)	
Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (đầu thế kỷ XV) - Bối cảnh lịch sử - Nội dung chính - Kết quả	- Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của nhà Hồ.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông thế kỷ XV - Bối cảnh lịch sử - Nội dung chính - Kết quả	- Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa của cuộc cải cách của Lê Thánh Tông.
Cuộc cải cách của Minh Mạng nửa đầu thế kỷ XIX - Bối cảnh lịch sử - Nội dung chính - Kết quả	- Trình bày được bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả, ý nghĩa của cuộc cải cách của Minh Mạng. - Có ý thức trân trọng giá trị của các cuộc cải cách trong lịch sử dân tộc.
LỊCH SỬ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG	
Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông *Vị trí của Biển Đông*	- Xác định được vị trí của Biển Đông trên bản đồ.
Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông - Tuyến đường giao thông biển huyết mạch - Địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương - Nguồn tài nguyên thiên nhiên biển	- Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông về giao thông biển, vị trí chiến lược, nguồn tài nguyên thiên nhiên biển.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông - Vị trí của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa - Tầm quan trọng chiến lược của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa	- Xác định được vị trí của các đảo và quần đảo ở Biển Đông trên bản đồ. - Giải thích được tầm quan trọng chiến lược của các đảo và quần đảo ở Biển Đông.
Việt Nam và Biển Đông *Tầm quan trọng của Biển Đông đối với Việt Nam* - Về quốc phòng, an ninh - Về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm	- Nêu được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng, an ninh, về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.
Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa - Quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lý đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa - Cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông	- Nêu được Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lý liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử. - Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình - Ban hành văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền - Tham gia Công ước Luật biển năm 1982 của Liên hợp quốc (UNCLOS) - Thông qua Luật Biển Việt Nam năm 2012 - Thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC)	- Nêu được chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình. - Trân trọng những thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử, sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước Việt Nam.
THỰC HÀNH LỊCH SỬ	
- Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học. - Tiến hành các hoạt động giáo dục lịch sử gắn với thực địa (di sản lịch sử, văn hóa),... - Học tập tại các bảo tàng, xem phim tài liệu lịch sử. - Tổ chức các câu lạc bộ, các cuộc thi “Em yêu lịch sử”, “Nhà sử học trẻ tuổi”, các trò chơi lịch sử.	- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử. - Tạo hứng thú trong học tập.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
THẾ GIỚI TRONG VÀ SAU CHIẾN TRANH LẠNH	
Liên hợp quốc *Một số vấn đề cơ bản về Liên hợp quốc* - Lịch sử hình thành	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về quá trình thành lập Liên hợp quốc. - Nêu được bối cảnh lịch sử và quá trình hình thành Liên hợp quốc.
- Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động	- Trình bày được mục tiêu và nguyên tắc hoạt động cơ bản của Liên hợp quốc.
Vai trò của Liên hợp quốc - Trong lĩnh vực hòa bình, an ninh quốc tế - Trong lĩnh vực phát triển - Trong lĩnh vực quyền con người, văn hóa, xã hội	- Nêu được vai trò của Liên hợp quốc trong việc duy trì hòa bình, an ninh quốc tế. - Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong lĩnh vực thúc đẩy phát triển, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, tài chính, thương mại quốc tế, nâng cao đời sống người dân. - Trình bày được vai trò của Liên hợp quốc trong việc đảm bảo quyền con người, phát triển văn hóa, xã hội.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Trật tự thế giới trong Chiến tranh lạnh *- Sự hình thành và tồn tại Trật tự hai cực Yalta*	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về Trật tự thế giới hai cực Yalta. - Trình bày được quá trình hình thành và tồn tại của Trật tự thế giới hai cực Yalta.
- Sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực Yalta Nguyên nhân sụp đổ Tác động	- Nêu được nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của Trật tự thế giới hai cực Yalta. - Phân tích được tác động sự sụp đổ Trật tự thế giới hai cực Yalta đối với tình hình thế giới.
Trật tự thế giới sau Chiến tranh lạnh - Xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh	- Nêu được xu thế phát triển chính của thế giới sau Chiến tranh lạnh.
- Xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế Khái niệm đa cực Xu thế đa cực	- Trình bày được khái niệm đa cực. - Nêu được xu thế đa cực trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh. - Vận dụng được những hiểu biết về thế giới sau Chiến tranh lạnh để giải thích những vấn đề thời sự trong quan hệ quốc tế.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
ASEAN: NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ	
Sự ra đời và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) *Quá trình hình thành và mục đích của ASEAN* - Quá trình hình thành - Mục đích thành lập	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu để tìm hiểu về quá trình thành lập ASEAN. - Trình bày được quá trình hình thành và mục đích thành lập của ASEAN.
Hành trình phát triển của ASEAN - Từ ASEAN 5 (1967) đến ASEAN 10 (1999) - Các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (1967 đến nay)	- Trình bày được quá trình phát triển từ ASEAN 5 đến ASEAN 10. - Nêu được các giai đoạn phát triển chính của ASEAN (1967 đến nay).
Cộng đồng ASEAN: Từ ý tưởng đến hiện thực *Ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN* - Ý tưởng xây dựng Cộng đồng ASEAN - Mục tiêu xây dựng Cộng đồng ASEAN - Kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tài liệu để tìm hiểu về quá trình hình thành và mục tiêu của Cộng đồng ASEAN. - Nêu được nét chính về ý tưởng, mục tiêu và kế hoạch xây dựng Cộng đồng ASEAN.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN: - Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN (APSC) - Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) - Cộng đồng Văn hóa - Xã hội (ASCC)	- Trình bày được nội dung ba trụ cột của Cộng đồng ASEAN.
Cộng đồng ASEAN sau năm 2015 - Tầm nhìn ASEAN sau năm 2015 - Những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN	- Nêu được những thách thức và triển vọng của Cộng đồng ASEAN. Có ý thức sẵn sàng tham gia vào các hoạt động xây dựng Cộng đồng ASEAN.
CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945, CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TỪ THÁNG 8 NĂM 1945 ĐẾN NAY)	
Cách mạng tháng Tám năm 1945 *Khái quát về Cách mạng tháng Tám năm 1945* - Bối cảnh lịch sử - Diễn biến chính	- Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 - Nguyên nhân thắng lợi	- Nêu được nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
- Ý nghĩa và bài học lịch sử	- Phân tích được ý nghĩa và bài học lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.
Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954) *Khái quát về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp* - Bối cảnh lịch sử - Những diễn biến chính	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. - Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Nguyên nhân thắng lợi - Ý nghĩa lịch sử	- Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. - Phân tích được ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.
Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975) *Khái quát về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước* - Bối cảnh lịch sử - Các giai đoạn phát triển chính	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - Trình bày được nét khái quát về bối cảnh lịch sử, các giai đoạn phát triển chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Nguyên nhân thắng lợi - Ý nghĩa lịch sử	- Nêu được nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - Phân tích ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - Trân trọng, tự hào về truyền thống bất khuất của cha ông trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tham gia vào công tác đền ơn đáp nghĩa ở địa phương.
Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay *Khái quát về cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay* - Bối cảnh lịch sử - Diễn biến chính	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về các cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay. - Trình bày được những nét khái quát về bối cảnh lịch sử, diễn biến chính về cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở vùng biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc (từ sau tháng 4 năm 1975 đến những năm 80 của thế kỷ XX); cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia ở vùng biên giới phía bắc và ở Biển Đông từ năm 1979 đến nay.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay	- Nêu được ý nghĩa lịch sử của cuộc đấu tranh bảo vệ Tổ quốc từ sau tháng 4 năm 1975 đến nay.
Một số bài học lịch sử - Về tinh thần yêu nước - Về vai trò của khối đoàn kết dân tộc - Về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại - Về nghệ thuật lãnh đạo, nghệ thuật quân sự	- Nêu được những bài học cơ bản của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay. - Phân tích được giá trị thực tiễn của những bài học lịch sử của các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc từ năm 1945 đến nay. Trân trọng những bài học kinh nghiệm trong lịch sử và sẵn sàng góp phần tham gia bảo vệ Tổ quốc khi Tổ quốc cần.
CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY	
Khái quát về công cuộc Đổi mới từ năm 1986 đến nay	
- Giai đoạn 1986 - 1995: khởi đầu công cuộc Đổi mới *- Giai đoạn 1996 - 2006: đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế*	- Trình bày được những nội dung chính các giai đoạn của công cuộc Đổi mới đất nước từ năm 1986 đến nay.
- Giai đoạn 2006 đến nay: tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng	

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Thành tựu cơ bản và bài học của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay *Thành tựu cơ bản về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và hội nhập quốc tế*	- Trình bày được thành tựu cơ bản của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa và hội nhập quốc tế.
Một số bài học kinh nghiệm - Kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh - Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp - Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân - Kết hợp sức mạnh nội lực và ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới	- Nêu được một số bài học kinh nghiệm của công cuộc Đổi mới ở Việt Nam từ năm 1986 đến nay.
LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN - HIỆN ĐẠI	
Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc (đầu thế kỷ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945)	- Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc (từ đầu thế kỷ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945).

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)	- Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp 1945 - 1954.
Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)	- Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ 1954 - 1975.
Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975 - 1985	- Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn 1975 - 1985.
Hoạt động đối ngoại của Việt Nam thời kỳ Đổi mới (từ năm 1986 đến nay)	- Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1986 đến nay. - Tự hào về truyền thống ngoại giao của cha ông trong lịch sử, góp phần vào việc xây dựng hình ảnh đẹp, thân thiện của đất nước Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.
HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM	
Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh *Những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh* - Hoàn cảnh đất nước - Hoàn cảnh quê hương - Hoàn cảnh gia đình	- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh. - Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Tiểu sử Hồ Chí Minh - Xuất thân - Quê quán	- Tóm tắt được những nét cơ bản trong tiểu sử của Hồ Chí Minh.
Khái quát về sự nghiệp của Hồ Chí Minh - Tuổi trẻ - Hoạt động ở nước ngoài (1911 - 1941) - Trở về Việt Nam - Trong nhà tù ở Trung Quốc - Hoạt động lãnh đạo cách mạng	- Nêu được tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh.
Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc *Xác định con đường cứu nước* - Hành trình đi tìm đường cứu nước - Con đường cứu nước - Ý nghĩa của việc tìm ra con đường cứu nước	- Giới thiệu được hành trình đi tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh trên bản đồ. - Nêu được nội dung cơ bản của con đường cứu nước của Hồ Chí Minh. - Nêu được ý nghĩa của sự kiện Hồ Chí Minh tìm ra con đường cứu nước.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam - Chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho sự ra đời của Đảng - Triệu tập và chủ trì hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam - Ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	- Trình bày được quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức của Hồ Chí Minh cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. - Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
Lãnh đạo Cách mạng tháng Tám 1945 - Triệu tập và chủ trì Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 (tháng 5 năm 1941) - Sáng lập Mặt trận Việt Minh (ngày 19 tháng 5 năm 1941) - Thành lập đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (ngày 22 tháng 12 năm 1944) - Cùng Trung ương Đảng và Mặt trận Việt Minh lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945 thắng lợi, lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa	- Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc triệu tập Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8 (tháng 5 năm 1941), thành lập Mặt trận Việt Minh, thành lập đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, trực tiếp lãnh đạo Cách mạng tháng Tám 1945 và lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. - Nêu được ý nghĩa của việc thành lập Mặt trận Việt Minh (ngày 19 tháng 5 năm 1941) và vai trò của Hồ Chí Minh.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Lãnh đạo kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) và chống Mỹ (1954 - 1969) - Giai đoạn 1945 - 1946 - Giai đoạn 1946 - 1954 - Giai đoạn 1954 - 1969	- Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh trong giai đoạn sau Cách mạng tháng Tám (1945 - 1946) khi thực hiện chủ trương "hòa để tiến" thông qua việc kí Hiệp định Sơ bộ (ngày 06 tháng 3 năm 1946) và bản Tạm ước (ngày 14 tháng 9 năm 1946). - Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954). - Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1969). - Có ý thức trân trọng công lao, đóng góp của Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam.
Dấu ấn Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới và Việt Nam *Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới* - Danh hiệu: + Năm 1987, UNESCO công nhận Hồ Chí Minh là anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa lớn + Nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và những giá trị tư tưởng và văn hóa của Hồ Chí Minh - Tưởng niệm: Nhà lưu niệm; Đài kỷ niệm; Đặt tên một số đại lộ,...	- Nêu được nguyên nhân nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân Việt Nam - Bảo tàng, Nhà lưu niệm - Hình tượng văn học, nghệ thuật - Phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh	- Nêu được nguyên nhân Chủ tịch Hồ Chí Minh sống mãi đối với dân tộc Việt Nam. - Có ý thức trân trọng những cống hiến và giá trị tư tưởng văn hóa của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tích cực tham gia phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.
THỰC HÀNH LỊCH SỬ	
- Tổ chức các hoạt động thực hành lịch sử tại lớp học. - Tiến hành các hoạt động giáo dục lịch sử gắn với thực địa (di sản lịch sử, văn hóa),... - Học tập tại các bảo tàng, xem phim tài liệu lịch sử. - Tổ chức các câu lạc bộ, các cuộc thi "Em yêu lịch sử", "Nhà sử học trẻ tuổi", các trò chơi lịch sử.	- Củng cố, khắc sâu kiến thức lịch sử. - Rèn luyện các kỹ năng thực hành bộ môn, phát triển năng lực lịch sử. - Tạo hứng thú trong học tập.

(Xem tiếp Công báo số 875 + 876)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng